

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LỤC
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Minh Đức và ông Nguyễn Duy Quyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1986; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn Ch, sinh năm 1979; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

Chị tự nguyện kết hôn với anh Cao Văn Ch ngày 23/11/2007 đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh Ch thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh đập chị nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt nhưng vì nghĩ đến các con và cũng mong anh Ch sẽ thay đổi mà

chị vẫn phải cố gắng chịu đựng và tha thứ cho anh Ch nhưng càng ngày anh Ch càng quá đáng, không chịu sửa đổi bản thân, thường xuyên chửi bới đe dọa đánh đập chị khiến chị không thể chịu đựng được nữa. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 02/2023 và chị đã cho các con ra bên ngoài ở riêng; cũng từ thời gian này đến nay vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Ch là không còn; đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Văn Ch.

* Tại biên bản lấy lời khai bị đơn anh Cao Văn Ch trình bày: Anh tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Trần Thị L ngày 23/11/2007, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống. Bản thân chị L tính tình ương bướng hay cãi lại anh nên trong những lúc nóng giận anh có đánh chị L nhưng sau khi anh xin lỗi thì chị L đã bỏ qua cho anh để vợ chồng về đoàn tụ, nuôi dạy con chung ăn học. Thời gian gần đây khoảng tháng 02/2023 do chị L vẫn giữ nếp cũ luôn muốn làm theo ý mình mà không quan tâm đến anh nên anh đã đánh chị L và chị L đã cho 03 con ra ngoài ở riêng; cũng từ thời gian này đến nay anh chị sống ly thân. Tại phiên tòa, anh Ch xác định tình cảm vợ chồng với chị L không còn, chị L xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Chị L, anh Ch đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Văn N, sinh ngày 06/9/2008, cháu Cao Thị L, sinh ngày 20/6/2015 và cháu Cao Văn Tr, sinh ngày 21/10/2021. Hiện nay cả 3 cháu đang ở với chị L; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị L có quan điểm: Ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cháu L, cháu Tr; đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh Ch nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại biên bản lấy lời khai, anh Ch có quan điểm: Nếu ly hôn đối với cháu Tr, do cháu còn quá nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao cháu cho chị L nuôi dưỡng; còn đối với cháu N, cháu L đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu; dù các cháu xin ở với ai anh cũng tôn trọng, trong trường hợp các cháu đều xin ở với chị L thì anh cũng sẽ cấp dưỡng theo quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Ch thay đổi quan điểm: anh xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị L, anh Ch đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Không vi phạm; Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị L đã thực hiện đầy đủ quyền và

nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh Cao Văn Ch chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L với anh Ch. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Ch.

2. Về con chung: Giao cho chị L được quyền nuôi dưỡng cháu Cao Thị L, sinh ngày 20/6/2015 và cháu Cao Văn Tr, sinh ngày 21/10/2021; giao anh Ch được quyền nuôi dưỡng cháu Cao Văn N, sinh ngày 06/9/2008; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn: Anh, chị yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L và anh Ch phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị L xin ly hôn anh Cao Văn Ch, đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Ch có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 1, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Cao Văn Ch kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, thành phố N, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 23/11/2007 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị L cho rằng, anh Ch thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh đập chị nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt nhưng vì nghĩ đến các con và cũng mong anh Ch sẽ thay đổi mà chị vẫn phải cố gắng chịu đựng và tha thứ cho anh Ch nhưng anh Ch không chịu sửa đổi bản thân, thường xuyên chửi bới đe dọa đánh đập chị khiến chị không thể chịu đựng được nữa. Mâu thuẫn càng tăng nhất là từ tháng 02/2023 và chị L đã cho các con ra bên ngoài ở riêng; cũng từ thời

gian này đến nay vợ chồng chị sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị L, anh Ch đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin ly hôn, anh Ch nhất trí. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã B thì địa phương có quan điểm: Chị L, anh Ch thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn kéo dài, chính quyền địa phương đã nhiều lần can thiệp, động viên hòa giải để anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Thực tế anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng mà ngược lại mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên cũng không có khả năng đoàn tụ, địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết vụ án chị L xin ly hôn anh Ch theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được vì vậy xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị L và anh Ch là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị L, anh Ch xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Cao Văn N, sinh ngày 06/9/2008, cháu Cao Thị L, sinh ngày 20/6/2015 và cháu Cao Văn Tr, sinh ngày 21/10/2021. Hiện nay cả 3 cháu đang ở với chị L; các cháu đều khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn, chị L có quan điểm chị xin được nuôi dưỡng cháu L, cháu Tr; đề nghị Tòa án giao cháu N cho anh Ch nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Tại biên bản lấy lời khai, anh Ch có quan điểm: Nếu ly hôn đối với cháu Tr, do cháu còn quá nhỏ nên anh đề nghị Tòa án giao cháu cho chị L nuôi dưỡng; còn đối với cháu N, cháu L đề nghị Tòa án hỏi nguyện vọng của các cháu; dù các cháu xin ở với ai anh cũng tôn trọng, trong trường hợp các cháu đều xin ở với chị L thì anh cũng sẽ cấp dưỡng theo quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa, anh Ch thay đổi quan điểm: anh xin được nuôi cả ba cháu và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Hội đồng xét xử thấy rằng, về khả năng chăm sóc, giáo dục con của chị L và anh Ch là ngang nhau. Hiện các cháu N, L, Tr đều khỏe mạnh, phát triển bình thường; cháu L mới 08 tuổi và là bé gái, cháu Tr chưa được 02 tuổi, các cháu còn nhỏ và cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do vậy để đảm bảo quyền lợi cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị L, giao cho chị L nuôi dưỡng cháu Cao Thị L, sinh ngày 20/6/2015 và cháu Cao Văn Tr, sinh ngày 21/10/2021; giao anh Ch nuôi dưỡng cháu Cao Văn N, sinh ngày 06/9/2008; anh, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu N, cháu L.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị L, anh Ch đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị L và anh Cao Văn Ch; mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chị L xin chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Ch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị L và anh Cao Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Cao Thị L, sinh ngày 20/6/2015 và cháu Cao Văn Tr, sinh ngày 21/10/2021 cho chị Trần Thị L nuôi dưỡng; giao cháu Cao Văn N, sinh ngày 06/9/2008 cho anh Cao Văn Ch nuôi dưỡng. Chị L, anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L và anh Ch cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh, chị trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Cao Văn N, Cao Thị L và Cao Văn Tr.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chấp nhận sự tự nguyện của chị Trần Thị L chịu toàn bộ án phí cả phần của anh Cao Văn Ch. Chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị L đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo Biên lai số AA/2021/0000493 ngày 21/3/2023 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà anh, chị phải nộp (chị L và anh Ch đã thi hành xong tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị Trần Thị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Cao Văn Ch có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã L, thành phố N;
- UBND xã B, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hằng